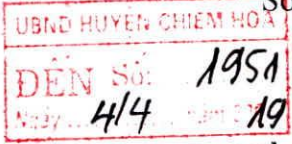


Số: 1614/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 12 năm 2018



### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa; Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 9 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 thực hiện tại các bộ, ngành, địa phương trong năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để các bộ, ngành, địa phương thực hiện trong năm 2018 - 2019;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số

61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa; Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

*(Có Danh mục thủ tục hành chính chi tiết kèm theo).*

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện việc niêm yết công khai tại Bộ phận Một cửa và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu có) Danh mục thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này ngay sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, Thủ trưởng Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Cục KSTTHC-VPCP; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3; (thực hiện)
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Phòng Tin học - Công báo; (Độc Thủy, Tùng)
- Lưu: VT, KSTTHC (B.Nh).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đình Quang**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
THỰC HIỆN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ  
TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA; TIẾP NHẬN TRỰC TUYẾN TRÊN CÔNG DỊCH  
VỤ CÔNG TỈNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC  
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

STT	Thủ tục hành chính	Tại Bộ phận Một cửa		Thực hiện trực tuyến trên Công dịch vụ công tỉnh	
		Thực hiện	Không thực hiện	Mức độ 3	Mức độ 4
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (142 THỦ TỤC)</b>				
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Thủy sản (19 thủ tục)</b>				
1.	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực).	x			
2.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá không thời hạn (đối với tàu cá nhập khẩu)	x		x	x
3.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (đối với tàu cá nhập khẩu)	x		x	x
4.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới	x		x	x
5.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời	x		x	x
6.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	x		x	x
7.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu	x		x	x
8.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu	x		x	x
9.	Cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá	x			
10.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá	x			
11.	Cấp giấy chứng nhận Đăng ký tàu cá đối với tàu cá cải hoán	x		x	x

STT	Thủ tục hành chính	Tại Bộ phận Một cửa		Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh	
		Thực hiện	Không thực hiện	Mức độ 3	Mức độ 4
12.	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	x			
13.	Cấp giấy phép khai thác thủy sản	x		x	x
14.	Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản	x			
15.	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	x			
16.	Cấp đổi và cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	x			
17.	Xác nhận đăng ký tàu cá	x			
18.	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá	x			
19.	Cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai	x			
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Chăn nuôi (02 thủ tục)</b>				
20.	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi	x			
21.	Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale-CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.	x			
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Thú y (18 thủ tục)</b>				
22.	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y	x			x
23.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	x			x
24.	Cấp, cấp lại Giấy Chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	x		x	
25.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	x		x	
26.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	x		x	

STT	Thủ tục hành chính	Tại Bộ phận Một cửa		Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh	
		Thực hiện	Không thực hiện	Mức độ 3	Mức độ 4
27.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	x		x	
28.	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	x		x	
29.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	x		x	
30.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	x		x	
31.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	x		x	
32.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	x		x	
33.	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc dưới nước)	x		x	
34.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	x		x	
35.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	x		x	
36.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	x		x	
37.	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	x		x	
38.	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	x		x	
39.	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm	x		x	
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Bảo vệ thực vật (05 thủ tục)</b>				
40.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh)	x			
41.	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	x			

STT	Thủ tục hành chính	Tại Bộ phận Một cửa		Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh	
		Thực hiện	Không thực hiện	Mức độ 3	Mức độ 4
42.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật.	x			
43.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	x		x	
44.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	x		x	
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Trồng trọt (07 thủ tục)</b>				
45.	Chỉ định tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng an toàn, cây trồng công nghiệp và cây ăn quả lâu năm (đối với tổ chức chứng nhận đăng ký hoạt động trên phạm vi 01 tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương)	x			
46.	Chỉ định lại, mở rộng phạm vi tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng an toàn, cây trồng công nghiệp và cây ăn quả lâu năm (đối với Tổ chức chứng nhận đăng ký hoạt động trên phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	x			
47.	Miễn giảm giám sát đối với Tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng (đối với tổ chức chứng nhận đăng ký hoạt động trên phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	x			
48.	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	x			
49.	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm)	x			
50.	Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng (đối với giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm)	x			
51.	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng	x			
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực Phân Bón (05 thủ tục)</b>				
52.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	x			
53.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	x			
54.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	x			
55.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	x			

STT	Thủ tục hành chính	Tại Bộ phận Một cửa		Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh	
		Thực hiện	Không thực hiện	Mức độ 3	Mức độ 4
56.	Xác nhận nội dung quảng cáo và đăng ký hội thảo phân bón	x			
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi (16 thủ tục)</b>				
57.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	x			
58.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	x			
59.	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	x			
60.	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chi giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	x			
61.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	x			
62.	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	x			
63.	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	x			
64.	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	x			
65.	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh	x			
66.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của	x			

STT	Thủ tục hành chính	Tại Bộ phận Một cửa		Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh	
		Thực hiện	Không thực hiện	Mức độ 3	Mức độ 4
	UBND tỉnh				
67.	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	x			
68.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	x			
69.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	x			
70.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	x			
71.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	x			
72.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	x			
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (06 thủ tục)</b>				
73.	Cấp đổi phiếu kiểm soát thu hoạch sang giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vò	x			
74.	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vò	x		x	
75.	Cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm	x		x	
76.	Kiểm tra cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm	x		x	



STT	Thủ tục hành chính	Tại Bộ phận Một cửa		Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh	
		Thực hiện	Không thực hiện	Mức độ 3	Mức độ 4
77.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn.	x		x	
78.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện ATTP đối với trường hợp giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP.	x		x	
<b>IX</b>	<b>Lĩnh vực Phát triển nông thôn (06 thủ tục)</b>				
79.	Công nhận làng nghề	x			
80.	Công nhận nghề truyền thống	x			
81.	Công nhận làng nghề truyền thống	x			
82.	Thủ tục xét tặng giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam	x			
83.	Phê duyệt chủ trương xây dựng cánh đồng lớn	x			
84.	Phê duyệt dự án hoặc phương án cánh đồng lớn.	x			
<b>X</b>	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp (58 thủ tục)</b>				
85.	Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND cấp tỉnh xác lập	x			
86.	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với tổ chức	x			
87.	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách hoặc vốn viện trợ chuyển sang trồng cao su của tổ chức				
88.	Thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của tổ chức	x			
89.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam và Phụ lục II, III của CITES	x			
90.	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc địa phương quản lý	x			

STT	Thủ tục hành chính	Tại Bộ phận Một cửa		Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh	
		Thực hiện	Không thực hiện	Mức độ 3	Mức độ 4
91.	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	x			
92.	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	x			
93.	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	x			
94.	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng tự tổ chức hoặc liên kết với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	x			
95.	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý	x			
96.	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	x			
97.	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	x			
98.	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	x			
99.	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch rừng đặc dụng cấp tỉnh	x			
100.	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý	x			
101.	Thẩm định, phê duyệt đề án thành lập Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý)	x			
102.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc	x			

STT	Thủ tục hành chính	Tại Bộ phận Một cửa		Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh	
		Thực hiện	Không thực hiện	Mức độ 3	Mức độ 4
	dụng và khu bảo tồn biển thuộc địa phương quản lý				
103.	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống	x		x	
104.	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô cây con	x		x	
105.	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	x		x	
106.	Phê duyệt hồ sơ thiết kế chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý	x			
107.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)	x			
108.	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	x			
109.	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân ở nước ngoài).	x			
110.	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	x			
111.	Giao nộp gấu cho nhà nước	x			
112.	Chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh	x			
113.	Nghiên cứu khoa học trong rừng đặc dụng của các tổ chức, cá nhân trong nước (Phạm vi giải quyết của Ban Quản lý rừng đặc dụng)	x			
114.	Giao rừng cho tổ chức	x			
115.	Cho thuê rừng cho tổ chức	x			
116.	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng do địa phương quản lý	x			
117.	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự	x			

STT	Thủ tục hành chính	Tại Bộ phận Một cửa		Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh	
		Thực hiện	Không thực hiện	Mức độ 3	Mức độ 4
	nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng do địa phương quản lý				
118.	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng DVMTR nằm trong phạm vi 01 tỉnh)	x			
119.	Cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên	x			
120.	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức	x			
121.	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ	x			
122.	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của tổ chức	x			
123.	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng đặc dụng	x			
124.	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	x			
125.	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	x			
126.	Hủy bỏ chứng chỉ công nhận nguồn giống (5 loại: Cây trội; Lâm phần tuyển chọn; Rừng giống chuyển hóa; Rừng giống trồng; Vườn cây đầu dòng)	x			
127.	Bình tuyển lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng, cây mẹ, cây đầu dòng (hoặc vườn cung cấp hom)	x			
128.	Thẩm định và phê duyệt dự án cải tạo rừng tự nhiên đối với tổ chức	x			
129.	Thẩm định phương án cải tạo rừng tự nhiên đối với hộ gia đình, cá nhân có diện tích cải tạo từ 5 hecta trở lên	x			
130.	Đăng ký trại nuôi sinh sản, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục I của Công ước CITES	x			

STT	Thủ tục hành chính	Tại Bộ phận Một cửa		Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh	
		Thực hiện	Không thực hiện	Mức độ 3	Mức độ 4
131.	Đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, không quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES	x			
132.	Tiếp nhận gấu	x			
133.	Thu hồi rừng đối với các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Bảo vệ và phát triển rừng; khoản 2 Điều 26 Nghị định số 23/2006/NĐ-CP thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (trường hợp thu hồi rừng chưa có dự án đầu tư)	x			
134.	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay giải thể, phá sản.	x			
135.	Thu hồi rừng đối với các trường hợp: Rừng được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn mà không được gia hạn khi hết hạn (quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 26 Luật Bảo vệ và phát triển rừng) thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (đối với chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài)	x			
136.	Thu hồi rừng đối với các trường hợp quy định tại điểm e, g, h, i khoản 1, Điều 26 Luật Bảo vệ và phát triển rừng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (đối với chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài)	x			
137.	Thanh lý rừng trồng không thành rừng đối với rừng trồng thuộc địa phương quản lý	x			
138.	Thẩm định, phê duyệt cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt là rừng sản xuất	x			
139.	Khai thác tận dụng lâm sản trên đất rừng cải tạo đối với chủ rừng là tổ chức	x			
140.	Thẩm định, phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	x			
141.	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối		x		

STT	Thủ tục hành chính	Tại Bộ phận Một cửa		Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh	
		Thực hiện	Không thực hiện	Mức độ 3	Mức độ 4
	với hộ gia đình, cá nhân				
142.	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn		x		
<b>B</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (27 THỦ TỤC)</b>				
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp (23 thủ tục)</b>				
1.	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	x			
2.	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng tự nhiên chuyển sang trồng cao su của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	x			
3.	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường	x			
4.	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (nuôi mới)	x			
5.	Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	x			
6.	Thu hồi rừng của hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện	x			
7.	Đóng dấu búa kiểm lâm	x			
8.	Cấp giấy phép vận chuyển gấu	x			
9.	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với: lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến lâm sản sau chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu (đối với cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản có vi phạm các quy định của nhà Nước); động vật rừng được gây nuôi trong nước; bộ phận, dẫn xuất của chúng	x			

STT	Thủ tục hành chính	Tại Bộ phận Một cửa		Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh	
		Thực hiện	Không thực hiện	Mức độ 3	Mức độ 4
10.	Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu; cây xử lý tịch thu.	x			
11.	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với lâm sản xuất ra có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và lâm sản sau xử lý tịch thu	x			
12.	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong rừng đặc dụng hoặc rừng phòng hộ và cây xử lý tịch thu thuộc phạm vi quản lý của Hạt Kiểm lâm (đối với các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ có Hạt Kiểm lâm thuộc tỉnh)	x			
13.	Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân	x			
14.	Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn	x			
15.	Thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân	x			
16.	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	x			
17.	Cấp phép khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu thiết yếu của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng	x			
18.	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng	x			
19.	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định	x			
20.	Thẩm định phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (Đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do CTUBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư)	x			
21.	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (Đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư)	x			
22.	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân		x		

STT	Thủ tục hành chính	Tại Bộ phận Một cửa		Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh	
		Thực hiện	Không thực hiện	Mức độ 3	Mức độ 4
23.	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn		x		
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi (01 thủ tục)</b>				
24.	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp	x			
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (03 thủ tục)</b>				
25.	Kiểm tra cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm	x			
26.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn.	x			
27.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện ATTP đối với trường hợp giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP.	x			
<b>C</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (06 THỦ TỤC)</b>				
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp (03 thủ tục)</b>				
1.	Đăng ký khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng trồng bằng vốn tự có khi chuyển sang trồng cao su của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.	x			
2.	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên	x			
3.	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân.	x			
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi (01 thủ tục)</b>				
4.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ	x			



STT	Thủ tục hành chính	Tại Bộ phận Một cửa		Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh	
		Thực hiện	Không thực hiện	Mức độ 3	Mức độ 4
	<i>trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện).</i>				
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Bảo vệ thực vật (02 thủ tục)</b>				
5.	Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật	x			
6.	Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	x			
<b>TỔNG A + B + C</b>		<b>171 thủ tục</b>	<b>04 thủ tục</b>	<b>35 thủ tục</b>	<b>11 thủ tục</b>